

Số 2257/QĐ-ĐHCNGTVT

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

*Về việc ban hành Quy chế đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp
đại học thứ hai của trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải*

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT

Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 27/04/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

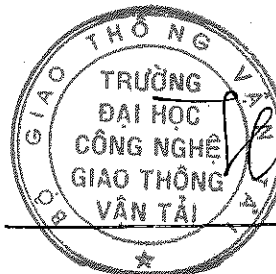
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Phân hiệu, Giám đốc cơ sở đào tạo, Giám đốc trung tâm, Trưởng các phòng, Trưởng các khoa, Trưởng các Bộ môn, giảng viên và học viên của Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, ĐTTC.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Nguyễn Hoàng Long

QUY CHẾ ĐÀO TẠO
ĐỀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC THỨ HAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHCNGTVT ngày tháng năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc đào tạo văn bằng thứ hai bậc đại học theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: Những quy định chung; tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần, xét và công nhận tốt nghiệp; điều khoản thi hành.

2. Văn bằng đại học thứ hai là văn bằng cấp cho những người đã có ít nhất một bằng tốt nghiệp đại học, sau khi hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo đại học của ngành đào tạo mới, có đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học.

3. Đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và nâng cao tính thích ứng của nguồn nhân lực trước đòi hỏi ngày càng tăng của xã hội.

4. Đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai được thực hiện theo các phương thức giáo dục chính qui và không chính qui với các hệ và các hình thức học sau:

a) Hệ không chính qui: Học theo hình thức vừa làm vừa học (học tập trung không liên tục - hệ tại chức cũ), học từ xa, tự học có hướng dẫn.

b) Hệ chính qui: Học tập trung liên tục tại trường.

5. Người học bằng đại học thứ hai là nam giới trong độ tuổi gọi nhập ngũ không thuộc diện được tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình theo qui định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 3-CP ngày 16-1-1995 của Chính phủ và Thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Giáo dục và Đào tạo số 1144/TTLB-QP-GDDT ngày 15-6-1995.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) được thực hiện theo chương trình đào tạo hệ chính quy cùng chuyên ngành đang đào tạo tại Trường. Đảm bảo yêu cầu: Trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Chương trình được cấu trúc từ chương trình đào tạo hệ chính quy cùng chuyên ngành đang đào tạo tại Trường. Tổng số tín chỉ phải tích lũy; tỷ lệ giữa các khối kiến thức trong chương trình đào tạo đảm bảo theo quy định của Bộ GD&ĐT, tỷ lệ các học phần tự chọn và học phần bắt buộc giữa các khối kiến thức phù hợp với các ngành đào tạo khi chuyển sang học bằng thứ hai theo Biên bản họp của Hội đồng Khoa học đào tạo Nhà trường.

3. Thời lượng của chương trình đào tạo: Căn cứ vào bằng đại học thứ nhất, được phân bổ các học phần trong mỗi kỳ học đảm bảo tính khả thi theo quy định của Quy chế 43.

4. Đề cương chi tiết của từng học phần: Thực hiện theo đề cương của bằng thứ nhất cùng chuyên ngành đang đào tạo tại Trường.

5. Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT ký ban hành các chương trình để triển khai thực hiện trong Trường.

Điều 3. Học phần và tín chỉ

1. Học phần

Học phần là đơn vị cấu thành chương trình đào tạo, gồm tập hợp những kiến thức về một lĩnh vực chuyên môn và được tổ chức giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ.

Học phần có mã học phần và số tín chỉ xác định (thường từ 2-4 tín chỉ), mỗi học phần đều có đề cương chi tiết thể hiện các nội dung: Mục tiêu; tóm tắt học phần; các điều kiện tiên quyết; cách đánh giá học phần; nội dung chính các chương mục; các giáo trình, tài liệu tham khảo;... Đề cương được Hiệu trưởng phê duyệt và công bố cùng với chương trình đào tạo. Nội dung đề cương chi tiết được giảng viên thông báo tới học viên trong buổi học đầu tiên của học phần.

Có hai loại học phần là học phần bắt buộc và học phần tự chọn:

- Học phần bắt buộc: Là các học phần trong chương trình chứa đựng những nội dung chính yếu của ngành và chuyên ngành đào tạo mà học viên bắt buộc phải tích lũy.

- Học phần tự chọn: Là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng học viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

2. Tín chỉ

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của học viên. Một tín chỉ được tính bằng: 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thảo luận, thực hành, thí nghiệm; 45 giờ thực tập tại cơ sở; 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn; 60 giờ làm đồ án, khóa luận tốt

nghiệp.

Để tiếp thu khối lượng kiến thức của 01 tín chỉ, học viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Số tín chỉ của từng học phần được ghi trong chương trình đào tạo.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính 12 giờ/01 ngày.

Căn cứ số lượng học viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Trường, Khoa Đào tạo tại chức sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày cho các lớp.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung (TBC) học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần được quy định trong đề cương chi tiết của học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm TBC tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học có thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo, cụ thể: từ 0,6 tháng đến 3,5 năm tùy thuộc vào bằng đại học thứ nhất, và theo bảng thống kê số tín chỉ, thời gian đào tạo cho mỗi ngành đã được thông qua Biên bản họp Hội đồng Khoa học và đào tạo Nhà trường.

b) Một năm học gồm 02 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính gồm 15 tuần dành cho các hoạt động giảng dạy học tập và 03 - 04 tuần dành cho việc đánh giá kết thúc học phần (kiểm tra, thi,...).

Ngoài 02 học kỳ chính, hằng năm Trường tổ chức học kỳ phụ nhằm tạo thêm

cơ hội học tập cho sinh viên. Mỗi học kỳ phụ có 05 tuần thực học và 01 tuần thi. Sinh viên đăng ký tham gia học kỳ phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc.

Thời gian biểu tiến hành các hoạt động học tập giảng dạy và lịch tổ chức đánh giá trong mỗi học kỳ kể cả các ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết được quy định trong kế hoạch học tập chung do Hiệu trưởng ban hành hằng năm.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình cụ thể: theo khoản a, mục 1 Điều này, cộng với thời gian tối đa sinh viên được phép bảo lưu theo quy định.

Đối với những lớp hệ VLVH, đào tạo theo hợp đồng đặt lớp tại cơ sở giáo dục địa phương là trường đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh..., Hiệu trưởng căn cứ vào điều kiện tổ chức đào tạo cụ thể để quyết định lịch trình học cho phù hợp.

Điều 7. Đánh giá học phần

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được tính như sau:

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành-thí nghiệm hoặc cả lý thuyết, thực hành-thí nghiệm và thảo luận:

$$\text{Điểm học phần} = 0,1 * \text{ĐCC} + 0,2 * \text{ĐTX} + 0,7 * \text{ĐKT}$$

Trong đó: - ĐCC: điểm chuyên cần;

- ĐTX: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành - thí nghiệm; điểm kiểm tra giữa học phần; bài tập lớn;

- ĐKT: điểm thi kết thúc học phần.

Hình thức đánh giá điểm quá trình học tập và các loại điểm bộ phận được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

- Nếu sinh viên vắng mặt trên lớp quá 20% số tiết của học phần sẽ không được dự thi kết thúc học phần, nhận điểm F là điểm học phần và phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần khác (đối với học phần tự chọn).

- Sinh viên vắng mặt trên lớp nhỏ hơn hoặc bằng 20% số tiết học của học phần được tham dự kỳ thi kết thúc học phần.

- Điểm chuyên cần được xác định phụ thuộc vào thời gian lên lớp của sinh viên:

Bảng 1

Thời gian lên lớp/Số tiết của học phần	<80%	80%	81÷85%	86÷90%	91÷95%	96÷99%	100%
Điểm chuyên cần (Thang điểm 10)	0	5	6	7	8	9	10

2. Đối với các học phần đồ án môn học, tiểu luận:

$$\text{Điểm học phần} = 0,3 \cdot \text{ĐQT} + 0,7 \cdot \text{ĐKT}$$

Trong đó:

ĐQT - Điểm quá trình thực hiện đồ án môn học, tiểu luận;

ĐKT - Điểm chấm hoặc bảo vệ đồ án, tiểu luận.

3. Đối với các học phần thực hành- thí nghiệm:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành – thí nghiệm. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ là điểm của học phần thực hành.

4. Đối với học phần thực tập tại hiện trường:

$$\text{Điểm học phần} = 0,3 \cdot \text{ĐQT} + 0,7 \cdot \text{ĐKT}$$

Trong đó:

ĐQT - Điểm quá trình thực tập tại hiện trường;

ĐKT - Điểm chấm hoặc bảo vệ báo cáo thực tập.

5. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Điều 8. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Khi học phần kết thúc, Trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ vào cuối học kỳ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, 01 ngày cho một tín chỉ.

3. Sinh viên có điểm thi kết thúc học phần đạt D, D⁺, C nếu có nhu cầu thi cải thiện điểm, được phép đăng ký dự thi tối đa 01 lần trong kỳ thi phụ. Điểm thi kết thúc học phần lấy điểm cao nhất trong các lần thi. Sinh viên dự thi cải thiện điểm học phần phải viết đơn đề nghị và phải nộp lệ phí theo quy định của Trường.

Điều 9. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung, mục tiêu học phần đã quy định trong chương trình, đề cương chi tiết học phần. Đề thi kết thúc học phần lấy từ ngân hàng đề thi đã được Hiệu trưởng duyệt.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa một số hình thức nêu trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp quy định trong đề cương học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết, chấm tiểu luận, bài tập lớn được thực hiện 2 vòng độc lập tại văn phòng tổ bộ môn. Giảng viên tuyệt đối không được phép mang bài thi, tiểu luận, bài tập lớn ra khỏi phòng chấm. Bài chấm xong phải bàn giao cho phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo lưu giữ tại văn phòng khoa ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải được hai giảng viên hỏi thi. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên không thống nhất được điểm thi trình Trưởng bộ môn hoặc Trưởng khoa quyết định.

Điểm đánh giá quá trình, điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Trường và làm thành ba bản (01 bản chính, 02 bản sao). Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa (bản chính) và một bản gửi về khoa Đào tạo tại chức chậm nhất một tuần sau khi thi.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được Trưởng khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó.

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được Trưởng khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó, điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ, những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

Điều 10. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0,5.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng quy định tại Điều 7. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Bảng 2

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm 4	
			Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Giỏi	Từ 8,5 đến 10	A	4,0
	Khá	Từ 8,0 đến 8,4	B ⁺	3,5
		Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
	Trung bình	Từ 6,0 đến 6,9	C ⁺	2,5
		Từ 5,5 đến 5,9	C	2,0
	Trung bình yếu	Từ 5,0 đến 5,4	D ⁺	1,5
		Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
Không đạt	Kém	Dưới 4,0	F	0

- Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm TBC học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I - Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X - Chưa nhận được kết quả thi.

- Đối với những học phần được Nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên bỏ học hoặc vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị

ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trưởng khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được Trưởng khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Đào tạo của Trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 11. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm TBC học kỳ và điểm TBC tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số theo thang điểm 4 (bảng 2)

2. Điểm TBC học kỳ và điểm TBC tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$DTB = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

DTB - là điểm TBC học kỳ hoặc điểm TBC tích lũy;

a_i - là điểm của học phần thứ i ;

n_i - là số tín chỉ của học phần thứ i ;

n - là tổng số học phần.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 12. Làm đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

2. Điều kiện đăng ký đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp: Tại thời điểm đăng ký, sinh viên còn nợ tối đa không quá 5% số tín chỉ so với yêu cầu bắt buộc của chương trình đào tạo (ngoại trừ các học phần đang hoàn thiện trong kỳ học hiện tại, thực tập tốt nghiệp và đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp).

3. Điều kiện nhận đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp: Tại thời điểm xét tư cách nhận đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp, sinh viên chỉ còn nợ tối đa không quá 5% số tín chỉ của những học phần không phải là điều kiện tiên quyết của đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên cần đăng ký học bổ sung những học phần này để hoàn thiện chương trình đào tạo.

4. Hình thức, thời gian làm đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp:

- Hình thức và thời gian làm đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp: Theo qui định trong chương trình đào tạo;

- Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp được qui định cụ thể trong *Phiếu giao nhiệm vụ tốt nghiệp*.

5. Đối với những trường hợp đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thực hành - thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp, Trường có thể bố trí thời gian làm đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá.

Điều 13. Chấm đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng ra quyết định Hội đồng chấm đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp trên cơ sở đề xuất của khoa chuyên ngành. Thành phần Hội đồng chấm đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp cho mỗi đề án hoặc khóa luận có từ 03-07 giảng viên;

2. Điểm của đề án tốt nghiệp hoặc khóa luận được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại khoản 2, Điều 10 của Quy chế này. Kết quả chấm đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 02 tuần, kể từ ngày bảo vệ đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

Điểm đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm TBC tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên có đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp bị điểm F phải đăng ký làm

lại đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

Điều 14. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được Trường xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy chế này;

c) Điểm TBC tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là Trưởng khoa Đào tạo tại chức, Phó phòng Đào tạo, Phó trưởng khoa, cán bộ QLSV khoa Đào tạo tại chức, Trưởng phòng Công tác HSSV.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 15. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp được cấp theo ngành đào tạo chính. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm TBC tích lũy của toàn khoá học, như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm TBC tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

b) Loại giỏi: Điểm TBC tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

c) Loại khá: Điểm TBC tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

d) Loại trung bình: Điểm TBC tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải học lại (thi lại) vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học

phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 15 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Cấp Bằng tốt nghiệp

a) Người học theo hình thức tập trung liên tục tại trường, thực hiện đầy đủ các qui định về xét tuyển, thi tuyển sinh, học lý thuyết, thực hành, bài tập, làm đồ án, khoá luận, làm luận văn hoặc thi cuối khoá, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo Quy chế của hệ chính qui; nếu đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp như hệ chính qui thì được cấp bằng tốt nghiệp đại học hệ chính qui.

b) Người học theo hình thức vừa làm vừa học (hệ tại chức cũ), thực hiện các qui định về thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, xét và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế của hệ không chính qui; nếu đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp bằng đại học thứ hai theo hình thức vừa làm vừa học (hệ tại chức cũ).

c) Người học theo hình thức từ xa, tự học có hướng dẫn, thực hiện các qui định về kiểm tra, thi, và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đối với hình thức này; nếu đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp đại học theo hình thức học từ xa, tự học có hướng dẫn.

6. Trong văn bằng tốt nghiệp ghi hình thức đào tạo, dưới dòng chữ Bằng tốt nghiệp đại học ghi trong ngoặc đơn dòng chữ: “Bằng thứ hai”.

Chương V

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 16. Khen thưởng

Sinh viên đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện, được Nhà trường ghi nhận thành tích và xét khen thưởng. Điều kiện và hình thức khen thưởng căn cứ theo Quy chế học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy và các quy định của Trường.

Điều 17. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra, nghỉ học không lý do chính đáng

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, đồ án môn học, thí nghiệm - thực hành, tham quan, thực tập, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, làm đồ án tốt nghiệp..., nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Sinh viên không đăng ký học tập, nếu không có lý do chính đáng sẽ được xem là tự ý bỏ học và phải chịu xử lý bằng một trong các hình thức: khiển trách, cảnh cáo hoặc xóa tên (theo Quyết định số 2054/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 20 tháng 9 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT).

4. Ngoài trường hợp nêu tại khoản 1,2,3 của Điều này, tùy theo mức độ sai phạm, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Quy chế học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy và Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

Điều 18. Học phí và xử lý sinh viên vi phạm quy định đóng học phí

Sinh viên có nghĩa vụ đóng học phí đầy đủ theo số tín chỉ đăng ký ngay trong tháng đầu của mỗi học kỳ. Nếu kết thúc tháng đầu mỗi học kỳ mà sinh viên vẫn không đóng học phí sẽ bị loại khỏi danh sách lớp, không được tham dự kỳ thi học kỳ và nhận điểm không đối với tất cả các học phần trong học kỳ đó, đồng thời, bị xử lý kỷ luật theo Quy chế công tác học sinh, sinh viên hiện hành.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này được áp dụng kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

2. Giám đốc phân hiệu, Giám đốc cơ sở đào tạo, Giám đốc các trung tâm, Trưởng các phòng, Trưởng các khoa, Trưởng các Bộ môn, giảng viên và sinh viên của Trường chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này. /.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Nguyễn Hoàng Long

